

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4085/SNN-CCPTNT ngày 19 tháng 11 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định nội dung hồ trợ, hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hồ trợ hoạt động phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽¹⁾; Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

1.1. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 ban hành Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021- 2025; Nghị quyết số 87/20022/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021- 2025.

1.2. Vừa qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP tiếp tục quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: xây dựng, trình Hội đồng nhân

⁽¹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

dân cấp tỉnh quyết định: “*đ. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này*”.

Qua rà soát, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy cần tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết để quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ hoạt động phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh thay thế Nghị quyết số 87/20022/NĐ-CP và Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND là cần thiết, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽²⁾.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết và Quy định dự kiến ban hành kèm theo đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với các nội dung khác có trong dự thảo. Tuy nhiên, để đảm bảo thống nhất giữa tên gọi và Điều 1 dự thảo Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh được dự kiến tại Điều 1 Quy định dự kiến ban hành kèm theo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại tên gọi, Điều 1 của dự thảo Nghị quyết; tên gọi dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo. Cụ thể:

Tên gọi, Điều 1 dự thảo Nghị quyết; tên gọi dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo là: “*Quy định nội dung hỗ trợ, **hồ sơ**, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ hoạt động **phát triển** sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh được dự kiến tại Điều 1 Quy định dự kiến ban hành kèm theo là: “*Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum...*”. Như vậy, giữa tên gọi, Điều 1 dự thảo Nghị quyết; tên gọi dự thảo Quy định và phạm vi điều chỉnh chưa có sự thống nhất.

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính cụ thể, phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*), đề nghị cơ quan chủ trì soạn

⁽²⁾ Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc xây dựng tại Thông báo số 45/TB-TTHĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023.

thảo xem xét, biên tập lại tên gọi của dự thảo Nghị quyết, tên gọi dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo, theo hướng sau: “*Quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”⁽³⁾.

Ngoài ra, Sở Tư pháp nhận thấy, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết được quy định tại Quy định dự kiến ban hành kèm theo mà không quy định tại Nghị quyết, do đó việc dự kiến: “*Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết nội dung, mức hỗ trợ...*” tại Điều 1 dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo là chưa chính xác. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo biên tập lại cho chính xác, phù hợp.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết và Quy định dự kiến ban hành kèm theo không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

3.1.1. Phần căn cứ ban hành đề nghị ghi chính xác cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản. Cụ thể, tại căn cứ thứ 8 hiện ghi: “*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ...*”. Thẩm quyền ban hành Nghị định thuộc Chính phủ mà không thuộc Thủ tướng Chính phủ, vì vậy, việc ghi như trên là chưa chính xác.

3.1.2. Khoản 4 Điều 2 dự kiến: “*Điều khoản chuyển tiếp: Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được phê duyệt, áp dụng tại Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Nghị quyết số 87/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo*

⁽³⁾ Khi chỉnh lý tên gọi của dự thảo Nghị quyết, tên gọi dự thảo Quy định theo hướng trên, cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý nội dung khác có liên quan.

quy định tại Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 87/2022/NQ-HĐND”.

Sở Tư pháp nhận thấy dự kiến như trên là chưa đầy đủ, chưa dự liệu được việc áp dụng pháp luật đối với dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất đã **được trình tại thời điểm** Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 87/2022/NQ-HĐND có hiệu lực, nhưng **tại thời điểm phê duyệt**, Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 87/2022/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành. Vì vậy, để đảm bảo tính cụ thể, minh bạch của quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng pháp luật đối với trường hợp nói trên. Bên cạnh đó, Sở Tư pháp nhận thấy, Điều 2 dự thảo có tên là: “*Tổ chức thực hiện*” nhưng khoản 4 Điều 2 quy định về điều khoản chuyển tiếp là chưa phù hợp với quy định tại Điều 73 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại Điều 73 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để tham mưu thực hiện đúng⁽⁴⁾.

3.1.3. Khoản 5 Điều 2 dự thảo quy định: “*Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định dẫn chiếu tại **Nghị quyết này** được sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế*”. Sở Tư pháp nhận thấy, các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn nằm trong dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo mà không nằm trong dự thảo Nghị quyết. Vì vậy, để đảm bảo chính xác, phù hợp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết. Có thể xem xét, biên tập lại theo hướng sau⁽⁵⁾: “*Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định dẫn chiếu tại **Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này** được sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế*”.

Cũng tại khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định: “*Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành*”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁶⁾, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. Dự thảo Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định nêu trên và quy định tại khoản 1 Điều 38, Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời điểm có hiệu lực của văn bản cho phù hợp, đúng quy định.

3.2. Đối với dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo

3.2.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại tên gọi của dự thảo Quy định với lý do đã được trình bày tại mục 2 Báo cáo này.

⁽⁴⁾ Cơ quan chủ trì soạn thảo nên trình bày quy định chuyển tiếp tại Điều riêng.

⁽⁵⁾ Lưu ý, nội dung được Sở Tư pháp biên tập lại chỉ mang tính chất tham khảo

⁽⁶⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3.2.2. Điều 4 dự thảo dự kiến quy định về hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) còn quy định về mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các **ngành nghề lĩnh vực khác** và dự án, kế hoạch liên kết do bộ, cơ quan trung ương thực hiện (đoạn đầu điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP- đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Như vậy, việc viện dẫn tới toàn bộ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) là chưa phù hợp, trùng lặp với quy định tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Quy định. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại đoạn đầu Điều 4 dự thảo.

Ngoài ra, Sở Tư pháp nhận thấy, Chính phủ không giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (đã được Chính phủ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP- đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Vì vậy, trường hợp cần tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, làm rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết quy định nội dung này. Trường hợp quyết định tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định, đề nghị chỉnh lý lại tên của Điều 4 là: “*Mẫu hồ sơ đề xuất đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*” cho chính xác, phân biệt được với quy định tại Điều 5 dự thảo.

3.3.3. Khoản 2 Điều 5 dự thảo dự kiến mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mẫu hồ sơ đề nghị. Mẫu hồ sơ đề nghị do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phải rõ các yêu cầu về thông tin được quy định tại b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể về mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

3.3.4. Khoản 3 Điều 6 dự thảo dự kiến tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị

định số 38/2023/NĐ-CP). Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) không quy định về tiêu chí lựa chọn dự án, phương án (về bản chất khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP- đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP- quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định viện dẫn tới đúng quy định có liên quan⁽⁷⁾.

3.2.5. Sở Tư pháp nhận thấy, các nội dung hỗ trợ dự kiến trình Hội đồng nhân dân quyết định không trái với các văn bản có giá trị pháp lý cao hơn; toàn bộ các nội dung hỗ trợ trên địa bàn tỉnh được thực hiện chung theo hướng dẫn của Trung ương. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục xem xét và căn cứ các nội dung ưu tiên thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 21; khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) để xác định nội dung hỗ trợ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp với thực tế của địa phương đồng thời chịu trách nhiệm về việc tham mưu trình Hội đồng nhân dân nội dung hỗ trợ cụ thể (Sở Tư pháp không thẩm định nội dung hỗ trợ cụ thể).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan thẩm định nhận thấy, dự thảo Nghị quyết có một số nội dung chưa được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽⁸⁾; Mẫu số 19 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các quy định nêu trên để soạn thảo, trình bày theo đúng quy định, cụ thể:

4.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để thực hiện đúng việc đánh số thứ tự của dự thảo⁽⁹⁾.

4.2. Về kỹ thuật viện dẫn văn bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) để trình bày đúng⁽¹⁰⁾.

⁽⁷⁾ Theo quan điểm của Sở Tư pháp, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng phải được thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP).

⁽⁸⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

⁽⁹⁾ Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh số thứ tự của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để tạo thuận lợi cho việc theo dõi, tham gia ý kiến đối với dự thảo... **Dự thảo 3** là dự thảo được gửi đến cơ quan thẩm định sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; **Dự thảo 4** là dự thảo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc trình HĐND tỉnh...

⁽¹⁰⁾ Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.

4.3. Thứ tự các điểm trong khoản (*khoản 1 Điều 3; khoản 3 Điều 5 dự thảo Quy định*), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sử dụng chữ cái tiếng Việt (*a, b, c*) mà không sử dụng ký hiệu khác (-).

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng, ban hành Nghị quyết theo trình tự thủ tục rút gọn. Thông báo số 45/TB-TTHĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu xây dựng, ban hành theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được cơ quan thẩm định nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo **bản giấy** dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽¹¹⁾.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định nội dung hồ trợ, hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hồ trợ hoạt động phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Kính gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng

⁽¹¹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật